

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 170 /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày
10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của
UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong
lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất
động sản Khatoco tại văn bản số 01/BDS ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc đề
nghị cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở “Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công
nghiệp Trảng É 1” tại xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ
kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
... 1.6.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày 15.. tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco, địa chỉ tại số 13B Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Trảng É 1” tại xã

Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Trảng É 1

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 4201348556 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 01/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 05/07/2022.

1.4. Mã số thuế: 4201348556

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, các ngành nghề đăng ký hoạt động:

- Vườn ươm cây giống;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất, chế biến yến sào và các sản phẩm từ yến sào;
- Sản xuất thực phẩm khác: sản xuất bánh từ bột, ca cao, socola, bánh kẹo, món ăn, thức ăn chế biến sẵn, cà phê, chè;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Dệt, nhuộm;
- Sản xuất trang phục; Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yến sào; Sản xuất giày, dép (không bao gồm sản xuất da – thuộc da);
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị, không làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất); Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Sản xuất sản phẩm từ giấy; In, sao chép bản kim loại;
- Sản xuất sản phẩm từ thủy tinh (trừ sản xuất thủy tinh); gia công cắt kính, gia công kính;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng;
- Sản xuất nhạc cụ, sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao, đồ chơi, trò chơi;
- Sản xuất và phân phối điện mặt trời; sản xuất nước đá;
- Kho hàng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có quy mô tương đương dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích cơ sở: 349.764 m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND xã Suối Cát.

2.5. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cam Lâm, UBND xã Suối Cát nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình

xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Giấy phép môi trường số 1549/GPMT-UBND của UBND tỉnh cấp ngày 04 tháng 7 năm 2023 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Cát;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...*110*.../GPMT-UBND ngày *11*. tháng *01*. năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh tại khu vực văn phòng của Ban quản lý Cụm công nghiệp Trảng É.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các Doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp Trảng É 1, Cụm công nghiệp Trảng É 2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Lùng phía Đông Bắc Cụm công nghiệp Trảng É 1.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: thôn Khánh Thành Nam, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): X (m) = 1347519; Y (m) = 593015.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 500 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, kq=0,9, kf=1,1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2.	pH	-	6 đến 9		
3.	COD	mg/l	74,25		
4.	TSS	mg/l	49,5		
5.	Amoni	mg/l	4,95		
6.	Màu	Pt/Co	50		
7.	BOD ₅	mg/l	29,7		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
8.	Asen	mg/l	0,0495		Không yêu cầu
9.	Thủy ngân	mg/l	0,00495		
10.	Chì	mg/l	0,099		
11.	Cadimi	mg/l	0,0495		
12.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
13.	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
14.	Tổng phốt pho	mg/l	3,96		
15.	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nguồn số 01 sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m³/ngày đêm để xử lý.

+ Nguồn số 02 sau khi xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải của cụm công nghiệp sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể oxy hóa, keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Xả ra Suối Lùng.

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 98%, HCl 32% , A – polymer (dạng rắn), Chlorine NaClO (10%) , Phèn nhôm Al₂(SO₄)₃18H₂O (17%) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động: đã lắp đặt 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Nước thải sau xử lý (sau bể khử trùng).
- Thông số quan trắc đã lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.
- Camera theo dõi: đã lắp đặt camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: đã kết nối và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Xây dựng hồ sự cố với diện tích 420 m² (dung tích 1050 m³), có lớp chống thấm. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình hoạt động thực hiện như sau:

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải; kịp thời phát hiện sự cố;

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành.

- Khi phát hiện nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn sẽ tiến hành khóa van xả nước thải sau mương quan trắc, không xả thải ra môi trường; tiến hành bơm nước thải từ mương quan trắc, bể khử trùng ra hồ sự cố, nước thải đầu vào lưu chứa tại bể thu gom và hồ sự cố. Tiến hành kiểm tra, sửa chữa hệ thống; chỉ thực hiện xả nước thải ra môi trường sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, kq=0,9, kf=1,1).

- Trường hợp không thể khắc phục trong thời gian ngắn, Chủ cơ sở thông báo đến các đơn vị thứ cấp dừng hoạt động tiếp nhận nước thải để sửa chữa.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Trảng É 1:

Số TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	°C	< 40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 - 9
4	BOD ₅	mg/l	400
5	COD	mg/l	640
6	TSS	mg/l	200
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5

10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nito	mg/l	60
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	20
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.10^7
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo công văn số 1317/STNMT-CCBVMT ngày 22/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.


3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận

hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. 

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...*170*.../GPMT-UBND ngày *17* tháng *01* năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Phòng đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°):

Tọa độ: X (m) = 592979; Y (m) = 1347435.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
2	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	12
2	Dầu nhớt thải	17 02 03	30
3	Giẻ lau dính dầu thải	18 02 01	18
4	Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật thải	14 01 05 14 01 06	24
	Tổng cộng		84

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải (KS)	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	550
	Tổng cộng		550

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa, bì carton	-	180

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 0,3 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa HDPE, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bao quanh, nền bê tông đảm bảo không bị thấm thấu, có mái lợp tôn, có biển ghi chú và cảnh báo nguy hiểm. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:

- Kho lưu giữ: Diện tích: 6 m²; kết cấu: kho khép kín, nền bê tông, có mái che.

- Sân phơi bùn: có kết cấu bê tông cốt thép có diện tích 60 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có dung tích 15 lít thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu vực.

2.3.2. Khu vực tập kết: Bố trí thùng rác loại 240 lít để tập kết, chuyên giao hàng ngày cho đơn vị có chức năng để thu gom.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...*A.T.D.*.../GPMT-UBND ngày *A.T.* tháng *0.A.* năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng hồ ứng phó sự cố nước thải với diện tích 420 m² (dung tích 1050 m³), có lớp chống thấm: Phải hoàn thành trong quý I/2025 (theo cam kết của Chủ cơ sở).

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./. *đ*

